

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 540/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 13 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển
giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BGTVT-BKHĐT ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung, trình tự lập Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và Dự toán lập Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Quảng Bình đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 11024/BGTVT-KHĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến cho dự thảo “Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Quảng Bình đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 301/TTr-SGTVT ngày 01 tháng 3 năm 2013 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 284/KHĐT-KT ngày 28 tháng 02 năm 2013 về việc trình phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu của Quy hoạch: Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đưa phát triển giao thông vận tải đi trước một bước để tạo đà cho phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch giao thông vận tải toàn quốc.

2. Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải:

2.1. Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ:

2.1.1. Hệ thống Quốc lộ trên địa bàn tỉnh: Tuân thủ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2013, đồng thời bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch đô thị của tỉnh Quảng Bình đã được phê duyệt:

a. Quốc lộ 1: Xây dựng nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp II, có 4 làn xe cơ giới, 02 làn xe mô tô; các đoạn qua đô thị xây dựng phù hợp với quy hoạch đô thị.

b. Quốc lộ 12A: Quốc lộ 12A xuất phát tại Ba Đồn (Km621+100/QL1) đến thị trấn Đồng Lê - Hồng Hóa - thị trấn Quy Đạt - Ngã ba Pheo (Km898+050/ĐHCM) đi chung với đường Hồ Chí Minh đến ngã ba Khe Ve (Km873+400/ĐHCM) đi theo Quốc lộ 12A hiện tại và kết thúc tại Cửa khẩu Cha Lo. Xây dựng, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe, các đoạn qua khu vực đô thị xây dựng phù hợp với quy hoạch đô thị. Thay thế toàn bộ các cầu yếu. Xây dựng mới đoạn tránh thị trấn Ba Đồn đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe;

c. Quốc lộ 12C: Xuất phát từ cảng Vũng Áng - Quốc lộ 1 (Km573+420/QL1) đi chung với QL1 đến Km565+100/QL1 (thị trấn Kỳ Anh) đi theo tuyến mới đến Đồng Lê - đi chung với Quốc lộ 12A đến ngã ba Hồng Hóa - Hóa Tiến, kết thúc tại ngã ba giao cắt với đường Hồ Chí Minh tại Km879+800/ĐHCM. Đoạn qua Quảng Bình (từ ranh giới Hà Tĩnh - Quảng Bình (Km53+800) đến Đồng Lê và từ Ngã ba Hồng Hóa đến Hóa Tiến): Xây dựng, nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe, các đoạn qua thị trấn mở rộng theo quy hoạch đô thị. Xây dựng mới đoạn tránh thị trấn Đồng Lê đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe;

d. Quốc lộ 15 (những đoạn không trùng đường Hồ Chí Minh): Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, các đoạn qua khu vực đồng bằng đông dân cư nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe. Thay thế toàn bộ cầu yếu.

e. Đường Hồ Chí Minh: Xây dựng nâng cấp theo chương trình, dự án Quốc gia, kiên cố hóa các công trình để bảo đảm ổn định khai thác tuyến có hiệu quả.

g. Đường bộ cao tốc: Tuân thủ Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

h. Đường bộ ven biển: Xây dựng mới tuyến đường đạt quy mô đường cấp III theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010.

i. Nâng cấp quản lý đường tỉnh lên Quốc lộ: Xây dựng, nâng cấp đường tỉnh 565 chiều dài 72km (nổi biên giới Việt Nam - Lào tại Cửa khẩu Chút Mút với hai nhánh Đông và Tây đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 1 và đường ven biển) đạt tiêu chuẩn đường từ cấp III - IV và đăng ký lên quốc lộ để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trước năm 2020.

2.1.2. Hệ thống đường tỉnh:

+ Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện có đạt tiêu chuẩn đường từ cấp III - IV, đối với các đoạn qua khu đô thị xây dựng phù hợp với quy hoạch đô thị. Đến năm 2015 hoàn thành việc thay thế toàn bộ cầu yếu; đến năm 2020 tất cả các tuyến đường tỉnh được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng 100% mặt đường.

+ Xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp một số tuyến vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch trọng điểm của tỉnh; nâng tổng số chiều dài quản lý đường tỉnh từ 393km hiện nay lên khoảng 450km vào năm 2020.

+ Hoàn thành việc nâng cấp đường tỉnh 565 và đăng ký lên quốc lộ trước năm 2020.

2.1.3. Hệ thống đường đô thị thành phố Đồng Hới:

+ Tiếp tục xây dựng các trục đường nội thành theo quy hoạch chung thành phố Đồng Hới; nâng cấp hệ thống đường hiện có, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ mặt đường nội thành được thảm bê tông nhựa đạt từ 80 - 90%.

+ Xây dựng mới một số tuyến trọng điểm phù hợp với quy hoạch chung thành phố Đồng Hới phục vụ cho phát triển, mở rộng thành phố, gồm: Trục ngang nối từ Khu du lịch Quang Phú - Lộc Ninh - Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới - đường Hồ Chí Minh; cầu Nhật Lệ 2 và trục đường chính Đông - Tây

nối từ cầu Nhật Lệ 2 với đường Hồ Chí Minh nhánh Đông; đường Trần Hưng Đạo kéo dài đoạn từ chợ Ga đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông; hệ thống đường ven sông Cầu Rào; hệ thống đường ven sông Nhật Lệ; mở rộng, nâng cấp đường F325 đi Nông Trường Việt Trung; trục đường ven biển theo quy hoạch đường bộ ven biển đoạn qua thành phố; trục đường ngang nối cầu Nhật Lệ 3 - Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu - đường Hồ Chí Minh nhánh Đông.

2.1.4. Hệ thống đường giao thông nông thôn:

Tiếp tục xây dựng, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn với mục tiêu đến năm 2020 hệ thống đường huyện cơ bản đạt tiêu chuẩn đường từ cấp IV - V (kết cấu mặt đường nhựa hoặc BTXM 100%), đường xã đạt tối thiểu GTNT loại AH hoặc A, các tuyến đường xã quan trọng đạt tiêu chuẩn cấp IV - V, 90% đường xã được cứng hóa (kết cấu mặt láng nhựa hoặc BTXM); cầu công bảo đảm tiêu chuẩn đồng bộ với cấp khai thác của đường. Cải tạo, nâng cấp 100% đường thôn xóm bằng vật liệu cứng, trong đó khoảng 70% được nhựa hoặc bê tông xi măng. Thực hiện qua các giai đoạn như sau:

Giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015:

* Đối với đường huyện: Cải tạo, nâng cấp từ 50 - 60% chiều dài đường huyện hiện còn là đường đất và cấp phối đạt tiêu chuẩn đường từ cấp IV - V, kết cấu mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng; cải tạo hoặc xây dựng mới các cầu công để phù hợp với cấp đường, bảo đảm an toàn khai thác. Sửa chữa, nâng cấp 100% cầu cũ hiện có trên hệ thống các tuyến đường đã xuống cấp không đảm bảo an toàn giao thông (ưu tiên thực hiện trước đối với các cầu treo đã xuống cấp nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông ở một số khu vực miền núi).

* Đối với đường xã: Cải tạo, nâng cấp khoảng 50% chiều dài đường xã hiện tại đang là đường đất và cấp phối đạt tiêu chuẩn đường loại AH hoặc A, kết cấu mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng.

Giai đoạn từ năm 2016 - 2020:

* Đối với đường huyện:

+ Cải tạo, nâng cấp 100% đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp IV - V; kết cấu mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng. Xây dựng các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn ở các khu vực ven sông, khu vực thung lũng miền núi, vùng sâu vùng xa;

các công trình cầu vượt sông, vượt suối đến các thôn bản hiện đang cô lập về giao thông do điều kiện địa hình chia cắt, phấn đấu đến năm 2020 giải quyết 100% các thôn, bản trên địa bàn tỉnh không bị cô lập về giao thông.

+ Xây dựng mới và nâng cấp một số tuyến đường xã quan trọng lên thành đường huyện; nâng tổng số chiều dài đường huyện từ 710km hiện có lên khoảng 1.000km vào năm 2020.

* Đối với đường xã: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống đường xã để đến năm 2020 có khoảng 90% tổng chiều dài đường xã được rải nhựa hoặc bê tông xi măng.

2.2. Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường thủy:

2.2.1. Hệ thống cảng biển: Tuân thủ quy hoạch đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 8 năm 2011, cảng biển Quảng Bình gồm các khu bến như sau:

a. Khu bến Hòn La: Giai đoạn 2015, nâng cấp và mở rộng bến hiện hữu cho tàu 20.000 DWT. Giai đoạn 2020, bổ sung thêm 02 bến cho tàu 20.000 DWT. Năng lực thông qua năm 2015 khoảng 1,2 triệu T/năm, năm 2020 khoảng 3,5 triệu T/năm;

- Bến Nhà máy Nhiệt điện than Quảng Trạch: Là bến chuyên dùng phục vụ Trung tâm Điện lực Quảng Trạch. Xây mới 01 - 02 bến cho tàu 100.000DWT. Năng lực thông qua khoảng 5,0 - 10,0 triệu T/năm.

- Bến xi măng Quảng Phúc: Là bến chuyên dùng bốc xếp nguyên liệu, vật tư, xuất sản phẩm cho Nhà máy Xi măng Quảng Phúc. Quy mô gồm 1 - 2 bến cho tàu đến 20.000 DWT. Năng lực thông qua 1,5 - 2,0 triệu T/năm.

b. Khu bến sông Gianh: Đầu tư nâng cấp bến hiện hữu kết hợp xây dựng mới 01 bến cho tàu 2.000 DWT. Năng lực thông qua 0,2 triệu T/năm.

- Bến xăng dầu sông Gianh: Giữ nguyên quy mô hiện hữu với 01 bến cho tàu 1000DWT, năng lực thông qua đạt 0,1 triệu tấn/năm.

c. Khu bến Nhật Lệ: Sẽ thực hiện theo quy hoạch chung của thành phố Đồng Hới.

2.2.2. Đường thủy nội địa: Tập trung cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông đường thủy nội địa phù hợp với nhu cầu vận tải thực tế để khai thác có hiệu quả

các tuyến luồng hiện có; xây dựng mới và nâng cấp các cảng, bến thủy nội địa trên các tuyến sông để đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân đảm bảo an toàn, hiệu quả (có dự án quy hoạch chi tiết riêng).

2.3. Quy hoạch phát triển đường sắt: Tuân thủ Quy hoạch đường sắt Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2008.

2.4. Quy hoạch phát triển hàng không:

Tuân thủ Quy hoạch phát triển Cảng Hàng không Đồng Hới đã được phê duyệt tại Quyết định số 943/QĐ-CHK ngày 21 tháng 6 năm 2003 của Cục Hàng không Việt Nam: Xây dựng Cảng Hàng không Đồng Hới với quy mô cấp 4C theo tiêu chuẩn quốc tế (ICAO), đáp ứng cho loại máy bay A320/A321 hoặc tương đương (đã đưa vào khai thác năm 2008).

Giai đoạn 2012 - 2020, tiếp tục nâng cấp, mở rộng (đường cất, hạ cánh, đường lăn, sân đỗ máy bay) để cho các loại máy bay lớn hơn cất hạ cánh và nâng công suất thông qua đến năm 2020 đạt năng lực thông qua 500.000 lượt hành khách/năm và 20.000 tấn hàng hóa/năm.

3. Quy hoạch phát triển vận tải:

3.1. Mạng lưới các tuyến vận tải:

- Tập trung khai thác các tuyến vận tải cố định nội tỉnh, liên tỉnh và liên vận quốc tế hiện có. Mở mới các tuyến vận tải hành khách quốc tế, liên tỉnh và các tuyến nội tỉnh từ trung tâm huyện lỵ, thành phố đến các xã vùng sâu vùng xa để đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân; đến năm 2020 tất cả các xã trên địa bàn tỉnh đều có tuyến vận tải hành khách đi qua.

- Khai thác có hiệu quả tuyến xe buýt Đồng Hới - Ba Đồn hiện có; mở mới các tuyến xe buýt nội thành Đồng Hới, các tuyến từ thành phố Đồng Hới đi trung tâm các huyện và khu kinh tế, du lịch và các tuyến nối trung tâm các huyện trong tỉnh, gồm: Đồng Hới - Phong Nha; Đồng Hới - Kiến Giang; Ba Đồn - Hòn La; Ba Đồn - Đồng Lê; Bảo Ninh - Thị trấn Việt Trung; Thị trấn Việt Trung - Thị trấn Lệ Ninh; Ba Đồn - Quảng Minh; Kiến Giang - Bang; Dinh Mười - Thị trấn Lệ Ninh; Ba Đồn - Quảng Tiến; Quán Hàu - Ga Lệ Kỳ và các tuyến tiềm năng khác phù hợp với thực tế.

3.2. Hệ thống bến xe: Tập trung cải tạo, nâng cấp và tổ chức khai thác có hiệu quả các bến xe hiện có, đồng thời xây dựng mới một số bến xe tại các khu vực đầu mối giao thông lớn theo dự báo. Đến năm 2020, các bến xe trên địa bàn tỉnh như sau:

Huyện, thành phố	Tên bến xe	Địa điểm xây dựng	Cấp kỹ thuật	Diện tích
Thành phố Đồng Hới	Bến xe liên tỉnh	Gần Khu công nghiệp Tây Bắc - phường Bắc Lý	I	25.000 m ²
	Bến xe Nam Lý	Phường Nam Lý	IV	5.000 m ²
	Bến xe Trung tâm	Đường Trần Hưng Đạo - Phường Đồng Phú	IV	3.000 m ²
Huyện Bố Trạch	Bến xe Hoàn Lão	Tiêu khu 8, Hoàn Lão	IV	5.000 m ²
	Bến xe Xuân Sơn	Xã Sơn Trạch	IV	2.500 m ²
Huyện Quảng Trạch	Bến xe Ba Đồn	Thị trấn Ba Đồn	II	10.000 m ²
	Bến xe Cảng Hòn La	Xã Quảng Đông	IV	5.000 m ²
	Bến xe Roòn	Phía Bắc cầu Roòn	IV	3.000 m ²
Huyện Quảng Ninh	Bến xe Hiền Ninh	Chợ Hiền Ninh	IV	3.000 m ²
	Bến xe Quán Hàu	Thị trấn Quán Hàu	IV	5.000 m ²
Huyện Lệ Thủy	Bến xe Thượng Phong	Thị trấn Kiến Giang	III	7.000 m ²
	Bến xe Mỹ Đức	Xã Sơn Thủy	IV	3.000 m ²
Huyện Tuyên Hóa	Bến xe Đồng Lê	Thị trấn Đồng Lê	IV	4.000 m ²
	Bến xe Tiên Hóa	Xã Tiên Hóa	IV	5.000 m ²
Huyện Minh Hóa	Bến xe Quy Đạt	Thị trấn Quy Đạt	IV	5.000 m ²
	Bến xe Cha Lo	Cha Lo, xã Dân Hóa	IV	3.000 m ²

4. Quy hoạch các trung tâm đăng kiểm xe cơ giới đường bộ:

- Di dời Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ hiện tại ra khỏi trung tâm thành phố Đồng Hới để đảm bảo môi trường đô thị và xây dựng mở rộng, tăng thêm dây chuyền kiểm định để nâng công suất kiểm định lên tối thiểu đạt 24.000 lượt xe/năm.

- Thành lập mới 01 Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ khu vực phía Bắc của tỉnh (theo hướng xã hội hóa) có 1 dây chuyền công suất kiểm định 12.000 xe/năm để đáp ứng nhu cầu đăng kiểm ngày càng tăng theo dự báo.

5. Quy hoạch phát triển cơ sở đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe:

+ Tập trung đầu tư nâng cấp, đổi mới và hiện đại hóa trang thiết bị dạy học, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên ở những cơ sở đào tạo lái xe hiện có.

+ Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Sát hạch lái xe loại 2 hiện có lên thành Trung tâm Sát hạch loại 1 vào năm 2015.

+ Củng cố và chuẩn hóa các trung tâm sát hạch lái xe loại 3 tại các huyện và các trường nghề hiện có đáp ứng nhu cầu học và thi lấy giấy phép lái xe mô tô của nhân dân.

6. Quy hoạch phát triển công nghiệp giao thông vận tải:

- Xây dựng được 01 Nhà máy Sản xuất linh kiện, lắp ráp ô tô.

- Xây dựng được 02 Nhà máy Đóng mới và sửa chữa tàu biển tại khu vực cảng Hòn La và khu vực sông Gianh.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nhu cầu về nguồn vốn:

7.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

7.2. Nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch phát triển giao thông vận tải toàn tỉnh đến năm 2020 dự kiến khoảng 35.000 tỷ đồng. Trong đó, vốn thực hiện xây dựng nâng cấp hệ thống đường bộ khoảng 32.470 tỷ đồng, đường thủy khoảng 2.530 tỷ đồng.

(Chi tiết nguồn vốn dự kiến như Phụ lục 2 kèm theo)

8. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch:

8.1. Các giải pháp về quản lý Nhà nước:

a. Quản lý đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch:

- Trên cơ sở Quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh đến năm 2020 được phê duyệt, triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển giao thông vận tải 5 năm và hàng năm để cụ thể hóa việc thực hiện Quy hoạch đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các huyện triển khai xây dựng Quy hoạch phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn huyện quản lý, cụ thể hóa thành các kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn 5 năm và hàng năm và huy động mọi nguồn lực của địa phương để thực hiện kế hoạch đã được xây dựng.

b. Quản lý hạ tầng giao thông vận tải:

Các công trình giao thông sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp phải được quản lý bảo trì để đảm bảo tuổi thọ công trình. Chú trọng thực hiện tốt, có hiệu quả công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã và đường thôn xóm v.v... Hàng năm, chính quyền các cấp bố trí kinh phí theo định mức quy định của Nhà nước để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do cấp mình quản lý.

8.2. Các giải pháp về đầu tư phát triển giao thông vận tải:

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn ngân sách và hỗ trợ từ Trung ương, Bộ, ngành; trong đó, sử dụng tốt các nguồn: Hỗ trợ có mục tiêu hàng năm của Chính phủ; vốn trái phiếu Chính phủ; nguồn vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh; nguồn vốn ODA; nguồn vốn hợp tác Nhà nước và tư nhân (PPP), v.v... để đầu tư xây dựng các công trình giao thông trọng điểm của tỉnh.

- Phát huy nội lực địa phương để đầu tư xây dựng các công trình có quy mô vừa và nhỏ.

- Đẩy mạnh việc huy động vốn từ việc khai thác quỹ đất dọc các công trình giao thông, đặc biệt là đối với các tuyến đường quy hoạch xây dựng mới khu vực đô thị và quy hoạch mới đô thị, khu dân cư ở các tuyến đường mới mở, v.v...

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng đường giao thông nông thôn bằng nguồn vốn nhân dân đóng góp, Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 08/2001/QĐ-UB ngày 13 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh; huy động tối đa nguồn lực, lao động và nguồn vốn đóng góp của nhân dân để xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn.

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư như liên doanh, liên kết, BOT, BT, PPP, v.v... để đầu tư xây dựng các bến xe, bãi đỗ xe, các trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe, trung tâm đăng kiểm, v.v...

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch:**1. Sở Giao thông vận tải:**

- Chủ trì thực hiện việc công bố công khai Quy hoạch và quản lý Quy hoạch theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Lập Kế hoạch đầu tư phát triển giao thông vận tải của tỉnh hàng năm và từng giai đoạn theo lộ trình phát triển phù hợp với Quy hoạch được duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận để triển khai thực hiện;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thu hút, kêu gọi và tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển và bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh;

- Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện Quy hoạch chi tiết về phát triển giao thông nông thôn ở các huyện, thành phố trong tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải toàn tỉnh và Tiêu chí 2 trong Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới đã được của Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển giao thông vận tải của tỉnh;

- Cân đối nhu cầu vốn, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn ngân sách hàng năm cho đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh;

- Cân đối nguồn vốn và tham mưu để Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn Ngân sách địa phương hàng năm cho công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Chính phủ và phù hợp với nhu cầu thực tế;

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Triển khai lập quy hoạch chi tiết phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn huyện, thành phố phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải của

tính đến năm 2020 và đảm bảo lộ trình theo Tiêu chí 02 của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

- Tăng cường công tác quản lý và tổ chức bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn huyện, thành phố theo phân cấp của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020
(kèm theo Quyết định số 540/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên đường và Danh mục dự án	Chiều dài (Km)	Cấp kỹ thuật	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
I	Hệ thống quốc lộ:					
	Quốc lộ 1					
1	Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1	122	Cấp II	10.000	B.O.T + NSTW	
	Quốc lộ 12A					
2	Mở rộng, nâng cấp đoạn ngã ba Hồng Hóa - ngã ba Pheo	18	Cấp III	200	NSTW	
3	Thay thế các cầu yếu trên tuyến Quốc lộ 15	Toàn bộ		100	NSTW	
4	Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu và thay thế cầu yếu	30	Cấp IV	150	NSTW	
II	Đường ven biển:					
5	Xây dựng cầu Nhật Lệ 2	0,7	Vĩnh cửu	936	NSTW + NSDP	Đang thực hiện đầu tư
6	Xây dựng mới đoạn Hà Trung - Mạch nước	48	Cấp III	3.200	NSTW + NSDP + BT	Đã duyệt dự án
7	Xây dựng mới đoạn Nam Ròn - Quang Phú	40	Cấp III		NSTW + NSDP + BT	Đã duyệt dự án
III	Hệ thống đường tỉnh:					
	Đường tỉnh 565					
8	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 565	72	Cấp IV-V	894	TPCP + các nguồn khác	Đang thực hiện đầu tư
	Đường tỉnh 562					
9	Xây dựng đường về xã Thượng Trạch	32	Cấp V	229	TPCP	Đang thực hiện đầu tư
10	Xây dựng nâng cấp đường 562 đoạn từ ngầm 64 đến biên giới (Dự án bộ đội Biên phòng)	10	Cấp V	120	NSTW	Đang thực hiện đầu tư
	Đường nối Khu kinh tế Hòn La - Khu công nghiệp xi măng huyện Tuyên Hóa					
11	Xây dựng mới đường nối Khu kinh tế Hòn La với Khu CN xi măng TT Tiên - Châu - Văn Hóa	33	Cấp III-IV	850	TPCP + các nguồn khác	Đang thực hiện đầu tư

TT	Tên đường và Danh mục dự án	Chiều dài (Km)	Cấp kỹ thuật	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
12	Xây dựng cầu và đường về xã Văn Hóa	4	Cấp III	478	TPCP	Đang thực hiện đầu tư
	Đường tỉnh 569B					
13	Xây dựng nâng cấp đường tỉnh 569B đoạn nối QL1 tại Quán Hàu - đường HCM nhánh Đông	5	Cấp II	169	NSTW + NSDP	Đã duyệt dự án
	Đường tỉnh 561					
14	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 561	18	Cấp III	660	NSTW + NSDP	Đang lập dự án
	Đường tỉnh 567					
15	Mở rộng, nâng cấp một số đoạn khu vực nội thành Đồng Hới	6	Cấp II	15	NSDP	
	Đường tỉnh 567B					
16	Xây dựng lại cầu Mỹ Cương	25m		25	NSDP	
17	Mở rộng, nâng cấp đoạn Hà Huy Tập	2,5	Cấp III	30	NSDP	
	Đường tỉnh 568					
18	Xây dựng nâng cấp đoạn Nam Lý - Trung Trương và cầu công viên đoạn Trần Quang Khải	9	Cấp III	90	NSDP	Đang thực hiện đầu tư giai đoạn 1
	Đường tỉnh 570B					
19	Xây dựng mới cầu Đức Nghĩa và hệ thống thoát nước dọc	Toàn bộ		60	NSDP	Đã phê duyệt dự án
	Đường tỉnh 570					
20	Mở rộng nâng cấp đoạn Hoàng Diệu và Phan Đình Phùng	1,5	Cấp II	20	NSDP	
21	Mở rộng nâng cấp đoạn F325 đi NT Việt Trung	6	Cấp II	110	NSDP	Đã lập xong dự án
	Đường tỉnh 559					
22	Cải tạo, nâng cấp đoạn từ Quảng Tiên đến ga Lệ Sơn	8	Cấp IV	20	NSDP	
23	Mở rộng đoạn từ Km2-Km12 và thay thế các cầu yếu trên tuyến	10	Cấp IV	30	NSDP	
	Đường tỉnh 559B					

TT	Tên đường và Danh mục dự án	Chiều dài (Km)	Cấp kỹ thuật	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
24	Kiên cố hóa chống sụt trượt và cải tuyến các đoạn ven suối nguy hiểm	8	Cấp IV	30	NSDP	
	Đường tỉnh 564					
25	Xây dựng mới cầu Khe Giữa và cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại	15	Cấp IV-V	100	NSTW + ĐP	
26	Xây dựng nâng cấp đoạn từ đường HCM nhánh Đông - Dinh Mười - Hải Ninh (đoạn bổ sung mới)	17	Cấp IV	110	NSTW + ĐP	
	Đường tỉnh 558					
27	Xây dựng nâng cấp đoạn từ Km0-Km12	12	Cấp IV	50	NSDP	
	Đường tỉnh 563					
28	Kiên cố hóa chống sụt trượt và cải tuyến các đoạn nguy hiểm	10	Cấp IV	50	NSDP	
	Các trục chính TP Đồng Hới					
29	Trục chính Đông - Tây phía Nam thành phố Đồng Hới, nối cầu Nhật Lệ 2 với đường HCM nhánh Đông	6	Cấp II	500	TW+ĐP	Đang lập dự án
30	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài từ Chợ Ga đến đường HCM nhánh Đông	4	Cấp II	500	NSTW + ĐP	Đã lập xong dự án
31	Đường ven sông Cầu Rào	6	Cấp III	336	NSTW	Đang thực hiện đầu tư
32	Đường ven sông Nhật Lệ	4	Cấp II	150	NSDP	Đang thực hiện đầu tư
IV	Hệ thống bến xe:					
33	Xây dựng mới Bến xe liên tỉnh khu vực Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới	25.000 m ²		70	Xã hội hóa	
34	Xây dựng mới hoặc nâng cấp bến xe trung tâm các huyện	Toàn bộ		200	Xã hội hóa	
V	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới					
35	Di dời Trung tâm Đăng kiểm hiện có ra khỏi trung tâm thành phố Đồng Hới	Toàn bộ		100	NSDP	

PHỤ LỤC 2:
DỰ KIẾN NHU CẦU VỐN VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG GTVT ĐẾN NĂM 2020
(kèm theo Quyết định số 540/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục	2012 - 2015		2016 - 2020		Tổng cộng	
		Nhu cầu	Bình quân/năm	Nhu cầu	Bình quân/năm	Nhu cầu	Bình quân/năm
I	Đường bộ:	12.520	3.130,0	19.950	3.990,0	32.470	3.607,8
1	Xây dựng cầu đường	12.000	3.000,0	19.000	3.800,0	31.000	3.444,4
1.1	Quốc lộ và đường ven biển	6.000	1.500,0	9.500	1.900,0	15.500	1.722,2
1.2	Đường tỉnh	1.500	375,0	2.500	500,0	4.000	444,4
1.3	Giao thông đô thị	1.000	250,0	1.500	300,0	2.500	277,8
1.4	Giao thông nông thôn	3.500	875,0	5.500	1.100,0	9.000	1.000,0
2	Xây dựng bến xe	220	55,0	300	60,0	520	57,8
3	Xây dựng, nâng cấp các cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe	100	25,0	200	40,0	300	33,3
4	Xây dựng Trung tâm Đăng kiểm	100	25,0	200	40,0	300	33,3
5	Cơ khí ô tô	100	25,0	250	50,0	350	38,9
II	Đường thủy:	790	197,5	1740	349,2	2.530	281,8
1	Cải tạo luồng tuyến, trong đó:	120	30,0	296	59,2	416	46,2
1.1	Nạo vét hệ thống sông đang khai thác	80	20,0	200	40,0	280	31,1
1.2	Cải tạo luồng tuyến	40	10,0	90	19,2	130	15,1
2	Xây dựng cảng	400	100,0	860	172,0	1260	140,0
3	Bến sông	270	67,5	590	118,0	860	95,6
	Tổng số:	13.310	3.327,5	21.696	4.339,2	35.000	3.889,6